



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 27848.2509/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.10400 2509
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.26308 2509
Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 05/09/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 05-12/09/2025
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 16/09/2025
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 lít
Tên mẫu/ Name of sample : Nước Bể chứa Nhà máy nước Sơn Hòa
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030 A&E: 2023; SMEWW 3113 B: 2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 11
Date of issue: 15/07/2025

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE

Số/ No: 27849.2509/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.10400 2509
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.26309 2509
Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 05/09/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 05-12/09/2025
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 16/09/2025
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 lít
Tên mẫu/ Name of sample : Nước trên mạng 1 Nhà máy nước Sơn Hòa
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030 A&E: 2023; SMEWW 3113 B: 2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

Số/ No: 27850.2509/KQ-VTT

Mã số/ Code: KH.10400 2509

Mã số mẫu/ Sample code: PTN.26310 2509

Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**
Địa chỉ/ Address : **Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **05/09/2025** Thời gian phân tích/ Time of analysis: **05-12/09/2025**
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **16/09/2025**
Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước sạch** Số lượng mẫu/ Quantity of sample: **1 lít**
Tên mẫu/ Name of sample : **Nước trên mạng 2 Nhà máy nước Sơn Hòa**
Tình trạng mẫu / State of sample : **Đựng trong can nhựa**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030 A&E: 2023; SMEWW 3113 B: 2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**

ThS. Nguyễn Văn Tâm